

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2017/HSST

Ngày: 23/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY – TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thuận Sơn và ông Trương Hải Nam

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Châu, cán bộ Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện VKSND huyện Lệ Thủy tham gia phiên toà: Ông Dương Đại Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2017/HSST ngày 19/7/2017 đối với bị cáo: Lê Văn T, tên gọi khác: Cu C, sinh ngày 16/02/1994

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12

Con ông Lê Văn T1, sinh năm 1970 và bà Mai Thị V, sinh năm 1964.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978, trú tại: Thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/9/1999, trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Lê Thị C, sinh năm 1974, trú tại: Thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 10 giờ 30 ngày 20/4/2017, Lê Văn T điều khiển xe công nông của chị Lê Thị C ở thôn M, xã S chở vật liệu giao cho khách hàng ở thôn H, xã S, trên đường về khi đi qua nhà hàng Q của anh Nguyễn Văn Đ ở thôn M, xã S, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong nhà hàng. T gọi điện thoại nhờ Nguyễn Minh

H ở thôn N, xã S, huyện L, bảo H đến nhà giúp T đi khiêng bàn, H đồng ý. T điều khiển xe công nông của chị C chở H đến nhà hàng Q. Thấy nhà hàng khóa cổng, T và H trèo qua hàng rào vào trong nhà hàng khiêng 03 cái bàn gỗ đưa ra bỏ lên xe công nông chở về nhà T.

Ngoài ra, T còn khai nhận: Khoảng 11 giờ 30 ngày 20/12/2016, T đến nhà hàng Q của anh Nguyễn Văn Đ lấy trộm một cái giá đựng đồ bằng kim loại đưa về cho chị Nguyễn Thị X ở thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình sử dụng.

Về vật chứng: Ngày 21/4/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Lệ Thủy tạm giữ 03 cái bàn bằng gỗ; 01 cái giá đựng đồ bằng kim loại.

Ngày 11/5/2017 và ngày 01/6/2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Lệ Thủy đã định giá và kết luận: 03 cái bàn gỗ có trị giá 4.500.000 đồng; 01 cái giá đựng đồ bằng kim loại có trị giá 550.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Lê Văn T 2 lần trộm cắp là 5.050.000 đồng. Ngày 05/6/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Lệ Thủy đã trả lại 03 cái bàn gỗ và 01 cái giá đựng đồ bằng kim loại cho chủ sở hữu. Riêng xe công nông T sử dụng làm phương tiện phạm tội là xe của chị C, chị C không biết T sử dụng xe của chị làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không tạm giữ.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Văn Đ đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì.

Trong vụ án có Nguyễn Minh H là người giúp T đi khiêng bàn nhưng trước khi đi H có nghe T nói khiêng bàn về để trừ nợ, H không biết hành vi của T là trộm cắp tài sản nên không phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 23/THQCT-KSĐT-XPSH ngày 18/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Qua tranh luận tại phiên toà, đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Bị cáo Lê Văn T khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng, đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ về hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo Lê Văn T phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Văn T đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút trộm cắp tài sản có giá trị 5.050.000 đồng. Hành vi đó đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm

trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".....

Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sở hữu của người khác; gây mất trật tự trị an trên địa bàn; gây hoang mang lo lắng, nghi ngờ lẫn nhau trong nhân dân. Bị cáo hiểu rõ điều đó, song do hám lợi bất chính, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng cho gia đình mình. Tại phiên tòa cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị cáo đều khai do Nguyễn Văn Đ nợ tiền của bị cáo không trả nên bị cáo mới lấy tài sản của anh Đ để trừ nợ nhưng không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của bị cáo là có căn cứ. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản và cần có một mức án tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo đều tỏ thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhất trí áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên để giảm một phần hình phạt trong khung hình phạt mà bị cáo bị xét xử, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, đồng thời chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục là vừa phải phù hợp với khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự và cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 03 cái bàn gỗ và 01 cái giá đựng đồ bằng kim loại cho anh Nguyễn Văn Đ.

Phản dân sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt nhưng qua lời khai tại cơ quan điều tra thì anh Đ không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (23/8/2017). Giao bị cáo Lê Văn T cho UBND xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay

đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo các Điều 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/8/2017. Anh Nguyễn Văn Đ được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã S để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Bị hại
- VKSND huyện Lệ Thủy
- TA tỉnh Q.Bình
- Chi cục THADS Lệ Thủy
- CA Lệ Thủy
- Sở Tư pháp Q.Bình
- Bộ phận THA hình sự
- Lưu HS;VP

(đã ký)

Trương Thị Nhàn